

Đơn vị: Trường Mầm non Mường Vĩ
Bộ phận:
Mã ĐVSDNS: 1026396
ICS: 2.340.000 VND

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 01 NĂM 2025
Lương cơ sở : 2.340.000 đ

Số: 04
Nợ:.....
Có:.....

TT	Mã số CBCC, viên chức	Họ tên	Chức vụ	Năm hưởng thu hút	Lương hệ số										Nghỉ việc không được hưởng lương	BHXH trả thay lương	Tổng cộng tiền lương và BHXH phải trả	Các khoản trừ vào lương					Tổng tiền lương và BHXH còn được nhận	Ký nhận
					Hệ số lương	Hệ số PC chức vụ	Hệ số phụ cấp khác						Thành tiền	BHXH 8%				BHYT 1.5%	BHNT 1%	Thuế thu nhập	Cộng			
							KV	Ưu đãi 50%	Trắc h nhệ m	Phân TN	TN nghỉ quy ra hệ số	Công tổng hệ số												
A	B	C	D		1	2	3	5	6	7	10	11	12	13	14=11+12+13	15	16	17	18	19	20=14-19	21		
		Tổng cộng			53.09	1.25	8	26.132	0	1.81	6.346	94.818	221.875.056	-	-	221.875.056	11.360.495	2.130.093	1.420.062	-	14.910.650	206.964.406		
1	V.07.02.25	Lý Tuyết Mai	Hiệu trưởng	2005	4.32	0.500	0.5	2.410		9%	0.434	8.164	19.103.292			19.103.292	983.511	184.408	122.939		1.290.858	17.812.434	CK	
2	V.07.02.25	Phạm Thị Thủy Linh	P.Hiệu trưởng	12/2008	4.32	0.350	0.5	2.335		21%	0.981	8.486	19.856.538			19.856.538	1.057.811	198.340	132.226		1.388.377	18.468.161	CK	
3	V.07.02.26	Trần Thị Hương	Giáo viên	9/2012	3.34		0.5	1.670		15%	0.501	6.011	14.065.740			14.065.740	719.035	134.819	89.879		943.733	13.122.007	CK	
4	V.07.02.26	Phạm Thị Hoàn	Giáo viên	9/2009	3.34	0.20	0.5	1.770		14%	0.496	6.306	14.755.104			14.755.104	755.464	141.650	94.433		991.547	13.763.557	CK	
5	V.07.02.26	Hoàng Thị Hà	Giáo viên	9/2008	3.34	0.20	0.5	1.770		14%	0.496	6.306	14.755.104			14.755.104	755.464	141.650	94.433		991.547	13.763.557	CK	
6	V.07.02.26	Vũ Thị Xuân	Giáo viên	9/2010	3.34		0.5	1.670		12%	0.401	5.911	13.831.272			13.831.272	700.278	131.302	87.535		919.115	12.912.157	CK	
7	V.07.02.06	Lưu Thị Hoa	Giáo viên	2/2009	2.72		0.5	1.360		8%	0.218	4.798	11.226.384			11.226.384	549.919	103.110	68.740		721.769	10.504.615	CK	
8	V.07.02.06	Vũ Thị Nguyệt	Giáo viên	9/2009	3.34		0.5	1.670		13%	0.434	5.944	13.909.428			13.909.428	706.530	132.474	88.316		927.320	12.982.108	CK	
9	V.07.02.26	Hoàng Thị Lệ Tuyết	Giáo viên		3.34		0.5	1.670		12%	0.401	5.911	13.831.272			13.831.272	700.278	131.302	87.535		919.115	12.912.157	CK	
10	V.07.02.26	Lương Thị Loan	Giáo viên		3.03		0.5	1.515		11%	0.333	5.378	12.585.222			12.585.222	629.610	118.052	78.701		826.363	11.758.859	CK	
11	V.07.03.05	Lê Thị Thanh Hào	Giáo viên		3.65		0.5	1.825		16%	0.584	6.559	15.348.060			15.348.060	792.605	148.613	99.076		1.040.294	14.307.766	CK	
12	V.07.02.06	Đoàn Thị Vân	Giáo viên		2.72		0.5	1.360		8%	0.218	4.798	11.226.384			11.226.384	549.919	103.110	68.740		721.769	10.504.615	CK	
13	V.07.02.06	Bùi Thị Ngoan	Giáo viên		3.34		0.5	1.670		12%	0.401	5.911	13.831.272			13.831.272	700.278	131.302	87.535		919.115	12.912.157	CK	
14	V.07.02.26	Phạm Thị Lan	Giáo viên		3.03		0.5	1.515		10%	0.303	5.348	12.514.320			12.514.320	623.938	116.988	77.992		818.918	11.695.402	CK	
15	V.07.02.06	Tân Nguyễn Phòng	Giáo viên		2.46		0.5	1.230		6%	0.148	4.338	10.149.984			10.149.984	488.143	91.527	61.018		640.688	9.509.296	CK	
16	16297	Vàng Thị Duyên	NV Y Tế		3.46		0.5	0.692			0.000	4.652	10.885.680			10.885.680	647.712	121.446	80.964		850.122	10.035.558	CK	
CỘNG					53.090	1.250	8.00	26.132	0	6.346	94.818	221.875.056	0	0	221.875.056	11.360.495	2.130.093	1.420.062		14.910.650	206.964.406			

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm linh sáu triệu chỉ trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm linh sáu đồng chẵn

Ghi chú:

Người lập
(Ký, họ tên)

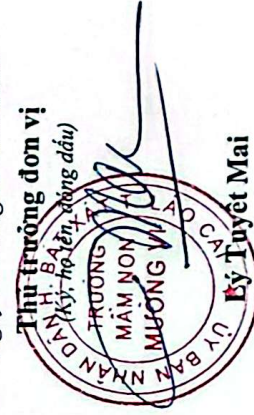
Tô Thị Yến

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tô Thị Yến

Ngày 16 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Bý Tuyết Mai